

Bản án số: 73/2024/DSPT

Ngày 29/5/2024.

V/v tranh chấp mở lối đi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài và ông Dương Văn Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp mở lối đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DSST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm K, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà G, ngách E đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người được ủy quyền: Anh Triệu Quang K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà G, ngách E đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản uỷ quyền ngày 24/4/2023, anh K có mặt).

1.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Xóm K, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Triệu Thế V, sinh năm 1976 và bà Phùng Thị N, sinh năm 1977 vợ ông V (ông V có mặt, bà N vắng mặt uỷ quyền cho ông V. Văn bản uỷ quyền ngày 30/01/2024).

Đều địa chỉ: Số nhà B, ngách B, ngõ I, đường B, tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thanh S, sinh năm 1952; Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Vũ Đức H, sinh năm 1978;

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

4.2. Ông Đỗ Thanh H1, sinh năm 1956;

Trú tại: xóm K, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị B trình bày: Bà có thửa đất số 163, tờ bản đồ số 41 diện tích 482m² loại đất trồng cây hàng năm tại xóm A (nay là xóm Đ), xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã được Sở Tài Nguyên & Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp quyền sử dụng đất ngày 14/11/2019 mang tên Đinh Thị B. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ chồng bà là cụ Triệu Văn C và cụ Lục Thị Đ khai phá từ những năm 1950, thửa đất trên gia đình bà sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Tiếp giáp với thửa đất số 163 của bà trước đây là thửa đất số 164 tờ bản đồ số 41 chủ sử dụng là ông Đỗ Thanh S và thửa đất số 165 tờ bản đồ số 41 chủ sử dụng là ông Triệu Tiên H2 (bố đẻ anh Triệu Thê V). Năm 2018 ông S chuyển nhượng lại cho anh V, năm 2020 anh V xin chuyển mục đích sử dụng hai thửa đất số 164 và 165 tờ bản đồ số 41 sang đất ở tại nông thôn theo bản đồ địa chính nay là thửa 447, tờ bản đồ số 41 diện tích 242m². Trước đây lối đi vào thửa đất nhà bà giáp với ao nhà ông Hồng bố đẻ anh V chính là thửa 165, lối đi này rộng khoảng 02m, bên cạnh là rãnh thoát nước chung cho khu vực rộng khoảng 02m. Sau khi anh V xin chuyển đổi mục đích, anh V đã thực hiện việc san lấp ao và xây hàng gạch bao quanh thửa đất nên gia đình bà không còn lối đi vào thửa đất phía trong. Đến tháng 02/2022 anh V tiếp tục xây dựng vào phần rãnh thoát nước chung và xây tường bao quanh dẫn đến gia đình bà mất hoàn toàn lối đi, rãnh thoát nước không còn nên dẫn đến các thửa đất phía trong bị ngập úng ảnh hưởng đến cây trồng và khó khăn trong việc canh tác thửa đất.

Nay bà khởi kiện, đề nghị Tòa án yêu cầu vợ chồng anh Triệu Thê V, chị Phùng Thị N phá dỡ tường rào xây bằng gạch xilicat trả lại 01 lối đi vào thửa đất của gia đình bà có chiều rộng 02m, chiều dài 14m phần đất giáp với mương nước công cộng cho gia đình bà để gia đình bà có thể đi vào canh tác trên thửa đất số 163 của gia đình. Yêu cầu anh V, chị N trả lại rãnh thoát nước có chiều dài 14,5m, chiều rộng 02m tổng diện tích mương nước là 29,18m² cho cộng đồng dân cư.

Đồng nguyên đơn bà Đinh Thị T1 trình bày: Bà có thửa đất số 181, tờ bản đồ số 41 diện tích 288m² loại đất trồng cây hàng năm tại xóm A (nay là xóm Đ), xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã được UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2004 mang tên Phạm Thị Tuyết . Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ chồng bà là cụ Triệu Văn C và cụ Lục Thị Đ khai phá từ những năm 1950, thửa

đất trên gia đình bà sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Tiếp giáp với thửa đất số 181 của bà trước đây là thửa đất số 163 của bà Đinh Thị B sau đó đến thửa đất số 164 tờ bản đồ số 41 của ông Đỗ Thanh S và thửa đất số 165 tờ bản đồ số 41 của ông Triệu Tiến H2 (bố đẻ anh Triệu Tiến V1). Năm 2019 ông S đã chuyển nhượng lại cho anh V1, năm 2020 anh V1 xin chuyển mục đích sử dụng hai thửa đất số 164 và 165 tờ bản đồ số 41 sang đất ở nông thôn theo bản đồ địa chính nay là thửa 447, tờ bản đồ số 41 diện tích 242m². Trước đây lối đi vào thửa đất nhà bà giáp với ao nhà ông Hồng bố đẻ anh V1 chính là thửa 165, lối đi này rộng khoảng 02m, bên cạnh là rãnh thoát nước chung cho khu vực rộng khoảng 02m, rãnh thoát nước này là rãnh thoát nước cho tất các hộ có đất ở phía trong. Sau khi anh V1 xin chuyển đổi mục đích, anh V1 đã thực hiện việc san lấp ao và xây hàng gạch bao quanh thửa đất nên gia đình bà không còn lối đi vào thửa đất phía trong. Đến tháng 02/2022 anh V1 tiếp tục xây dựng vào phần rãnh thoát nước chung và xây tường bao quanh dẫn đến gia đình bà mất hoàn toàn lối đi, rãnh thoát nước không còn nên dẫn đến các thửa đất phía trong bị ngập úng ảnh hưởng đến cây trồng và khó khăn trong việc canh tác thửa đất.

Nay bà khởi kiện, đề nghị Tòa án yêu cầu anh Triệu Thế V và chị Phùng Thị N phá dỡ tường rào xây bằng gạch xilicat trả lại 01 lối đi vào thửa đất của bà B và bà có chiều rộng 02m, chiều dài 14m. Diện tích 28m² và trả lại rãnh thoát nước có chiều dài 14,5m, chiều rộng 02m tổng diện tích mương nước là 29,18m² cho gia đình bà để bà có thể đi vào canh tác trên thửa đất số 181 của gia đình bà.

Bị đơn ông Triệu Thế V và bà Phùng Thị N vợ ông V trình bày: Khoảng năm 2016 bố đẻ ông là Triệu Tiến H2 (đã chết năm 2017) có tặng cho ông và vợ ông là Phùng Thị N thửa đất 165 tờ bản đồ số 41 diện tích 261m², loại đất trồng cây lâu năm. Năm 2018 vợ chồng ông mua của ông Đỗ Thanh S là người cùng xóm thửa đất số 164, tờ bản đồ số 41 diện tích 147m². Năm 2020 vợ chồng ông chuyển mục đích sử dụng 02 thửa đất trên thành đất ở tại nông thôn thành thửa mới 447 với tổng diện tích sau khi trừ hành lang giao thông còn 242m². Vợ chồng ông đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2020 mang tên Triệu Thế V và Phùng Thị N. Theo hồ sơ chuyển nhượng và thực tế sử dụng từ trước đến nay 02 thửa đất số 163 và thửa đất 181 chủ sử dụng là Đinh Thị B và Phạm Thị T không có đường đi vào, trước đây bà B và bà T thường đi nhờ qua thửa đất số 164 của ông Đỗ Thanh S. Khi ông nhận chuyển nhượng đất ông S cũng khẳng định không có đường đi vào phía trong, khi ông xây dựng tường rào ông là người trực tiếp trao đổi với bà B về thửa đất của bà B không có lối đi và đặt vấn đề đổi đất để cho bà B có lối đi vào canh tác nhưng bà B không đồng ý. Sau đó ông đã xây tường cao khoảng 01m bao quanh thửa đất để làm vườn ươm cây giống và xây dựng một mương thoát nước có chiều rộng khoảng 60cm dài khoảng 14m. Nay bà B và bà T yêu cầu ông phá tường rào trả lại cho bà đường vào thửa đất số 163 và 181, trả lại mương nước ông đã xây thì ông không nhất trí vì thửa đất ông được tặng cho từ bố ông và một phần mua của ông S đảm bảo đúng theo quy định của luật đất đai, gia đình ông đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở

tại nông thôn. Tường rào và mương nước ông xây trong phần đất của gia đình ông được cấp quyền sử dụng và đảm bảo việc thoát nước theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh S trình bày: Thừa đất số 164 tờ bản đồ số 41 có nguồn gốc do bố ông khai phá từ năm 1947, sau đó ông được bố ông tặng cho và sử dụng ổn định không có tranh chấp, ông đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019 do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã chuyển nhượng lại cho anh Triệu Thế V thừa đất đó. Khi chuyển nhượng ông có thỏa thuận với anh V để lại rãnh thoát nước vì nếu không có rãnh thoát nước khi mưa sẽ gây ngập úng các thửa đất phía trong, ông được biết sau khi nhận chuyển nhượng của ông, anh V xin chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở nông thôn và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông khẳng định từ trước đến nay chưa bao giờ có đường đi vào các thửa đất phía trong qua thửa đất của ông chuyển nhượng cho anh V. Khi ông còn sử dụng thửa đất này thì bà T và bà Bạch thường đi nhờ qua thửa đất của ông để vào thăm bãi của mình, khi thì đi qua bờ ao, khi thì đi qua giữa thửa đất không có lối đi cụ thể, thông thường bà T và bà B hay đi nhờ qua bờ ao giáp mương nước nhà ông để vào trong. Khi ông chuyển nhượng đất cho anh V ông đã vận động 02 gia đình đổi đất cho nhau để lấy đường đi vào trong nhưng bà T và bà B không đồng ý, đến khi anh V xây tường rào bao quanh khu đất thì bà T và bà B không có lối đi nên xảy ra tranh chấp. Ông khẳng định thửa đất ông chuyển nhượng cho anh V không có lối đi chung vào phía trong, việc tranh chấp lối đi ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Đỗ Thanh H1 và ông Vũ Đức H là trưởng xóm K và trưởng xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Trước đây bà T và bà B đi vào các thửa đất của gia đình thường đi qua vị trí bờ ao nhà ông S có chiều rộng khoảng 01m giáp với mương nước vào phía trong vì vị trí này thuận tiện ra đến đường công cộng nhất. Khi ông S chuyển nhượng cho anh V, gia đình anh V đã xây tường bao quanh thửa đất có chiều cao khoảng 01m đồng thời xây dựng mương thoát nước rộng khoảng 60cm nên bà T và bà B không có lối đi vào trong. Ông H1 và ông H không xác định được bờ ao đó là lối đi chung hay thuộc quyền sử dụng của ai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên tại bản án số 06/2023/DSST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 143, 147, 157, 165, 227, 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T về việc tranh chấp quyền về lối đi qua đối với phía bị đơn ông Triệu Thế V và bà Phùng Thị N.

- Buộc ông Triệu Thế V và bà Phùng Thị N có trách nhiệm mở cho bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị Tuyết m lối đi ra đường công cộng có chiều rộng 02m diện tích 14,7m² (sơ đồ 1, 2, 3, 4, 1) (loại đất ở tại nông thôn) thuộc thửa đất số 447, tờ bản đồ số 41 thuộc xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông V và bà N di dời các tài sản trên phần diện tích 14,7m² và tháo dỡ tường xây gạch Xilicat có chiều dài 02m cao 01m phần đầu lối đi chung nằm trên đất hành lang giao thông và phần tường xây dài 02m cao 01m nằm tại vị trí sơ đồ 3 - 4 (có sơ đồ kèm theo) trên thửa 447, tờ bản đồ số 41 để mở lối đi cho bà Đinh Thị B và Phạm Thị Tuyết .

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

- Buộc bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho ông Triệu Thế V và bà Phùng Thị N với số tiền 17.493.000đ (mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng). Cụ thể bà B thanh toán trả ông V, bà N 8.746.500đ (tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng). Bà T thanh toán trả ông V, bà N 8.746.500đ (tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023 và ngày 20/9/2023 bà B và bà T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu hoàn toàn chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà B và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm đồng nguyên đơn bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Xét kháng cáo của bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T thấy rằng: Phần đất bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T yêu cầu mở lối đi nằm trong thửa đất số 447, tờ bản đồ số 41, thuộc xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thửa đất này do vợ chồng ông Triệu Thế V và bà Phùng Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020. Nguồn gốc thửa đất số 447 tờ bản đồ số 41 được hình thành từ 02 thửa đất khác nhau là

thửa đất số 165 do bố đẻ ông V là Triệu Tiến H2 tặng cho vợ chồng ông V từ năm 2016 và thửa đất số 164, tờ bản đồ số 47 diện tích 147m² do ông V nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Thanh S năm 2018. Bà Đinh Thị B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 đối với thửa số 163 và bà Phạm Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 đối với thửa đất số 181 cùng tờ bản đồ số 41, trí các thửa đất này nằm phía trong thửa đất số 447 do vợ chồng ông V và bà N đang sử dụng, sau khi ông V nhận chuyển nhượng của ông S thì ông V đã xây tường bao quanh nên bà B và bà T không có đường để đi vào thửa đất của mình nên xảy ra tranh chấp. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ... Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*. Theo quy định trên thì bà B khởi kiện là có căn cứ. Còn bà T là chủ sử dụng thửa đất số 181 không có lối đi thì bà T chỉ có quyền khởi kiện buộc bà B hoặc ông S là hộ liền kề sử dụng đất dành cho mình một lối đi, bà T không có quyền khởi kiện vợ chồng ông V vì thửa đất 447 của ông V chỉ giáp ranh với thửa đất của bà B, nhưng vì bà B và bà T là hai chị em dâu nên giữa bà B và bà T tự thoả thuận về việc bà B dành lối đi cho bà T hay bà T bồi thường giá trị đất mà bà B phải bỏ ra dành lối đi cho bà T. Đây là quyền tự định đoạt giữa bà B và bà T. Đáng lẽ cấp sơ thẩm cần bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2]. Căn cứ vào lời khai của đương sự, kết quả xác minh, lời khai của người làm chứng, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đồng nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trước khi ông S chuyển nhượng cho vợ chồng ông V là bờ ao giáp mương nước thuộc quyền sử dụng của ông S, từ vị trí thửa đất số 163 và 181 đi ra đường công cộng không chỉ có vị trí đi qua thửa đất số 447 của vợ chồng ông V mà còn đi qua thửa đất số 153 của ông S, tuy nhiên phía bị đơn ông V cũng nhất trí để dành một phần diện tích làm đường đi cho bà B là phù hợp và thuận tiện nhất cho chủ sử dụng thửa đất 163 của bà B, ông V không kháng cáo là đã có lợi cho bà B.

[3]. Phân đất phía nguyên đơn yêu cầu trả lại lối đi theo công văn số 1952/UBND - TNMT ngày 22/8/2023 của UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định việc cấp giấy quyền sử dụng đất cho ông V, bà N đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bản đồ dải thửa 299 được đo đạc bằng phương pháp thủ công không có toạ độ để chồng ghép lên bản đồ địa chính do đó không có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu. Theo bản đồ địa chính xã H đo đạc năm 2002, thửa đất số 163 và thửa đất số 181, tờ bản đồ số 41 không thể hiện đường đi và mương thoát nước bên cạnh thửa đất (BL số 155). Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại mương nước là có căn cứ.

[4]. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và lệ phí đo đạc lần 2 hết 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) anh K là người được bà B uỷ quyền đã nộp. Yêu cầu của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu và đã quyết toán xong.

[5]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị Tuyết g nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DSST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc lần hai hết 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) bà Đinh Thị B phải chịu và đã chi phí xong.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đinh Thị B và bà Phạm Thị T do là người cao tuổi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Hà Thượng, Đại Từ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế

